

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục, phân loại và phân giao nhiệm vụ quản lý
đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ
liên quan đến 02 tỉnh trở lên**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục, phân loại và phân giao nhiệm vụ quản lý đập, hồ chứa thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục quản lý các đập, hồ chứa thủy lợi tại mục B Phụ lục theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo;
- Lưu VT, TCTL (50b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

Phụ lục:
DANH MỤC PHÂN GIAO NHIỆM VỤ QUẢN LÝ ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI MÀ VIỆC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ LIÊN QUAN ĐẾN 02 TỈNH TRỞ LÊN

(Kèm theo Quyết định số 4351/QĐ-BNN-TCTL ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



TT	Tên hồ chứa	Dung tích (triệu m ³)	Chiều cao (m)	Chiều dài đập (m)	Lưu lượng tràn xả lũ (m ³ /s)	Phân loại đập, hồ chứa thủy lợi	Phạm vi khai thác và bảo vệ	Trách nhiệm quản lý
A	ĐẬP, HỒ CHỨA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢN LÝ							
1	Ia Mơ	177,8	32,0	3.146	799	Hồ chứa lớn	Gia Lai, Đắk Lắk	Bộ Nông nghiệp và PTNT
B	ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY LỢI BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÂN CẤP CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUẢN LÝ							
I	Hồ chứa nước mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên							
1	Cấm Sơn	249,8	42,5	230	385	Hồ chứa lớn	Lạng Sơn, Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang
2	Sông Ray	215,3	34,0	1.930	2.461	Hồ chứa lớn	Bà Rịa- Vũng Tàu, Đồng Nai	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3	Núi Cốc	175,5	26,0	480	1.462	Hồ chứa lớn	Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Nội	UBND tỉnh Thái Nguyên
4	Đại Lải	29,7	16,0	3.060	320	Hồ chứa lớn	Vĩnh Phúc, Hà Nội	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
5	Cầu Mới	21,0	29,0	931	286	Hồ chứa lớn	Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu	UBND tỉnh Đồng Nai
6	Suối Giai	21,3	15,5	850	35,17	Hồ chứa lớn	Bình Phước, Bình Dương	UBND tỉnh Bình Phước
7	Kim Sơn	17,00	37,5	189	82,0	Hồ chứa lớn	Hà Tĩnh, Quảng Bình	UBND tỉnh Hà Tĩnh
8	Bầu Nhum	7,30	19,8	153	6,7	Hồ chứa lớn	Quảng Trị, Quảng Bình	UBND tỉnh Quảng Trị
II	Đập dâng mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên							
1	Thác Huống		6,6	91,6	2.630	Đập dâng nhỏ	Thái Nguyên, Bắc Giang	UBND tỉnh Bắc Giang
2	Lạc Tiến		20,0	231,1	3.310	Đập dâng lớn	Hà Tĩnh, Quảng Bình	UBND tỉnh Hà Tĩnh
3	An Trạch		7,50	48,0	1.447	Đập dâng nhỏ	Đà Nẵng, Quảng Nam	UBND thành phố Đà Nẵng
4	Trà Sư		2,30	90	500	Đập dâng nhỏ	An Giang, Kiên Giang	UBND tỉnh An Giang
5	Tha La		2,30	72	380	Đập dâng nhỏ	An Giang, Kiên Giang	UBND tỉnh An Giang

Handwritten mark